

Ý NGHĨA BIỂU TRUNG CỦA CON SỐ “BA” TRONG KHO TÀNG THÀNH NGỮ TIẾNG VIỆT

NGUYỄN THỊ HIỀN
(Cao học K17, ĐHSP Hà Nội)

1. Mở đầu

Trong tiềm thức của con người, số “ba” là con số thiêng liêng kì lạ và bí ẩn như một sự liên thông tư duy và quan niệm của các dân tộc trên thế giới. Đó là quan niệm “vô hình siêu ý thức” khó có thể lí giải được bằng các logic thuần túy của con người. Trong văn hóa nhân loại số “ba” là một biểu tượng thần bí: “Nó biểu thị một trật tự trí tuệ và tinh thần nơi thần linh, trong vũ trụ hoặc trong con người; nó tổng hợp tính nhất trong mỗi sinh linh” nó biểu hiện cho “sự toàn thể không thêm cái gì vào đây được nữa”. Quan niệm triết học về vũ trụ của phương Đông cho rằng con người là sản phẩm của vũ trụ. Hay nói cách khác: Vũ trụ sinh ra ba cõi Thiên-Địa-Nhân theo quy luật luân hồi và vòng tròn bất tận. Do đó mọi biến cố xảy ra trong vũ trụ đều liên quan đến con người. Số “ba” là số đại diện cho “ba” giới trên và đặc trưng cho sự hòa thuận giữa con người với thiên nhiên. Như thế nên chữ Vương (Vua) mới mang ý nghĩa “Tam tài” và người xưa cũng rất coi trọng ý nghĩa của thể “Tam tài”. Nghĩa là làm việc gì dù lớn dù nhỏ cũng đều xét đủ “Thiên thời-Địa lợi-Nhân hòa” mới hành sự và tin tưởng điều ấy sẽ thành công.

Quan điểm này của người phương Đông cũng không khác Pitago là mấy khi ông cho rằng con số “ba” là một trong những “Thần số”: Số “ba” thay cho đầu, giữa và cuối.

“Ba” là biểu hiện của sự đủ. Đó là quan hệ móc xích chặt chẽ: Ba điểm không thẳng hàng trong không gian nằm trong cùng một mặt phẳng.

Ở Việt Nam theo tín ngưỡng, số ba thường gắn với những điều kì lạ, điều không hay, phải kiêng kị. Chẳng hạn như: *Chớ đi ngày bảy chớ về ngày ba*, đề con ba ngày phải cúng mụ, khi hú vía thì kêu ba tiếng, liệm người chết thì dùng ba mảnh vải ngang, người chết an táng xong thì cúng ba ngày và làm lễ mở cửa mả...

Khi tìm hiểu đặc trưng ý nghĩa của con số “ba” trong kho tàng thành ngữ người Việt chúng tôi đã lựa chọn cuốn *Từ điển giải thích thành ngữ tiếng Việt* (Hoàng Văn Hành chủ biên, Viện Ngôn ngữ học, Nxb KHXH, H.1996) làm tư liệu để khảo sát. Qua khảo sát và thống kê của chúng tôi: Trên tổng số 3239 câu thành ngữ thì có tới 176 câu thành ngữ chứa con số, chiếm tỉ lệ 5,43 %. Một điều thú vị là trên tổng số 176 câu thành ngữ chứa con số thì con số “ba” xuất hiện với tần số nhiều nhất: 51 câu chiếm tỉ lệ 28,98%. Số “ba” có thể kết hợp được với nhiều con số khác và khả năng kết hợp của nó rất uyển chuyển, linh hoạt, nhiều trường hợp trong câu thành ngữ chỉ xuất hiện số “ba” nhưng giá trị biểu trưng của nó rất đa dạng.

Qua khảo sát chúng tôi thống kê được số “ba” kết hợp với số “bảy” là 17 thành ngữ, chiếm tỉ lệ 33,33%, số “ba” đứng độc lập là 11 thành ngữ, chiếm tỉ lệ 21,57%, số “ba” kết hợp với số “một” là 7 thành ngữ, chiếm tỉ lệ 13,72%, số “ba” kết hợp với số “bốn” là 4 thành ngữ, chiếm tỉ lệ 7,84%, số “ba” kết hợp với số “sáu” là 3 thành ngữ, chiếm tỉ lệ 5,88%, số “ba” kết hợp với số “tám” là 3 thành ngữ, chiếm tỉ lệ 5,88%, số “ba” kết hợp với số “chín” là 1 thành ngữ, chiếm tỉ lệ 1,96%.

2. Giá trị biểu trưng chủ yếu của con số “ba” trong thành ngữ tiếng Việt

Ý nghĩa biểu trưng của con số “ba” thường gắn liền với việc phản ánh cuộc sống, tâm lí thường nhật trong đời sống con người. Trong thành ngữ người Việt, con số “ba” cũng được dùng với ý nghĩa thực, nghĩa gốc như trong thành ngữ *Tháng ba ngày tám* (Hoặc *Ngày ba tháng tám*). Con số “ba” và số “tám” ở đây dùng để chỉ tháng ba và tháng tám âm lịch-thời kì giáp hạt. Thời xưa, ở một số địa phương, tháng ba ngày tám là lúc dân nghèo sa vào cảnh thiếu ăn, đời sống vô cùng khó khăn. Vì thế khi nói *Tháng ba ngày tám*, là người Việt Nam hầu như ai cũng hiểu là những ngày tháng đói kém với người nông dân. Tuy nhiên số lượng những câu thành ngữ sử dụng con số “ba” với nghĩa chuyển, nghĩa biểu trưng vượt trội.

So với ý nghĩa của số “một” và số “hai” thì nghĩa biểu trưng của số “ba” phức tạp hơn nhiều. Như ở trên đã trình bày, theo tín ngưỡng, con số “ba” thường gắn liền với những điều kì lạ, điều không hay, điều phải kiêng kị. Trong thành ngữ tiếng Việt, con số “ba” gắn với nhiều điều bí ẩn và khi nó kết hợp với những con số khác nhau lại mang những ý nghĩa khác nhau, rất phong phú và đa dạng.

Trong thành ngữ số “ba” có thể biểu trưng cho số ít như *Ba cọc ba đồng*. Thành ngữ này xuất phát từ thực tế trước đây tiền được đúc bằng đồng, có hình tròn, mỏng, xếp chồng lên nhau thành từng cọc. Ba cọc tiền mà mỗi cọc chỉ vền vền có một đồng thì rõ ràng là chẳng nhiều nhận gì. Thế nên ông cha ta đã sử dụng thành ngữ này biểu trưng cho sự ít ỏi, cố định, vền vền chỉ có từng đó mà không có khoản phụ thêm nào hay xa hơn nữa, thành ngữ này còn nói lên sự kém cỏi, bủn xỉn, không biết nhìn xa trông rộng.

Số “ba” thường là biểu trưng của số nhiều, nhất là khi số “ba” kết hợp với các con số khác: “một”, “bốn”, “năm”, “bảy”... tạo thành những đơn vị đối xứng nhau thể hiện nhiều ý nghĩa rất phong phú. Chúng ta thử dừng lại ở thành ngữ *Ba chốn bốn nơi*. Ở đây có hai cặp đối ứng thuộc hai phạm trù khác nhau. Thứ nhất thuộc về con số (ba/bốn), thứ hai chỉ địa điểm (chốn/nơi). Chốn/nơi gọi cho ta sự liên tưởng về không gian, các con số ba/bốn giúp ta liên tưởng tới số lượng nhiều, kết hợp âm thanh với cấu trúc nhịp đôi “Ba chốn”// “Bốn nơi” đã góp phần tạo nên ý nghĩa biểu trưng cho thành ngữ này: Một sự phân tán, li tán, không tập trung, không ổn định. Tương tự như vậy, thành ngữ *Ba bề bốn bên* cũng được dùng với ý nghĩa khắp mọi nơi mọi chốn xung quanh.

Với ý nghĩa biểu trưng chỉ số nhiều, khi số “ba” kết hợp với con số “năm” (cũng mang ý nghĩa biểu trưng chung là nhiều và phức tạp), thì mức độ nhiều và phức tạp, rối rắm tăng lên gấp bội. Khi muốn diễn đạt sự không thuần nhất, kết hợp một cách hỗn tạp, đủ thứ, đủ mọi hạng người thì người Việt sử dụng thành ngữ *Năm cha ba mẹ* (Đôi khi có biến thể là *Ba cha bảy mẹ*) với hàm ý tu từ chê bai phê phán. Quan niệm ứng xử trong

xã hội của người Việt xưa ảnh hưởng rất nhiều từ tư tưởng của đạo Nho. Trong xã hội, điều chính yếu trong đời nhân xử thế mà con người phải xem trọng là đạo vua tôi, đạo cha con, đạo vợ chồng (ba mối) và các quan niệm về nhân, nghĩa, lễ, trí, tín (năm giềng). Đó là những mối quan hệ hết sức phức tạp mà con người sống trong xã hội không thể không lựa cách cư xử. Thành ngữ *Năm giềng ba mối* đã được ông cha ta sử dụng để biểu trưng ý nghĩa con người ở trong tình thế hết sức phức tạp và ràng buộc lẫn nhau bởi các quan hệ, các qui tắc luật lệ và các phong tục tập quán như thế.

Số “ba” khi kết hợp với số “sáu” trong thành ngữ tiếng Việt dùng để diễn đạt những điều bí ẩn, những giả định về sức lực và tài năng gặp mấy người thường mà cho đến nay ta cũng khó có thể giải thích cho rõ ràng, tường tận như *Ba đầu sáu tay*, *Ba đầu sáu tay mười hai con mắt*. Hoặc khi diễn đạt mức độ giận dữ dữ dội, sục sôi, lồng lộn, điên khùng (thường dùng để nói đàn bà) người Việt dùng thành ngữ *Ba máu sáu con*. Ở thành ngữ này ta khó có thể chỉ ra chính xác “ba máu” hay “sáu con” là gì. Ý nghĩa biểu trưng của thành ngữ trên chỉ có thể hình thành khi ở trong kết hợp *Ba máu sáu con* mà thôi.

Một điều rất thú vị là trật tự kết hợp của số “ba” và các số khác nhau cũng mang ý nghĩa biểu trưng chung khác nhau. Cụ thể như sự kết hợp của con số ba với con số một. Khi diễn đạt một ý nghĩa biểu trưng chung: Công sức, chi phí bỏ ra quá mức so với nguồn vốn bỏ ra ban đầu hoặc so với kết quả thu được thì trật tự kết hợp là “một-ba” như *Một tiền gà bằng ba tiền thóc*, *Ăn một bát cháo chạy ba quãng đồng* và nếu được ai đó khuyên ta bằng câu thành ngữ này ta hiểu hàm ý là đừng nên làm bởi cái ta thu về là

một chút lợi nhỏ so với công sức và nguồn vốn mà ta bỏ ra. Thế nhưng khi kết hợp với trật tự “ba-một” thì các câu thành ngữ lại cho ta một nghĩa biểu trưng chung hoàn toàn khác: Thành quả mà ta gây dựng hoặc công sức mà ta giữ gìn lại bị tiêu tán một cách nhanh chóng ngay trong chốc lát. Từ nghĩa biểu trưng: Sự tiêu phí hay làm hư hại hoàn toàn, tiêu tan hết thảy thành quả hay sự nghiệp vốn dày công vun đắp, tạo lập, gây dựng trong các câu thành ngữ *Kiểm củi ba năm thiêu một giờ*, *Đốn củi ba năm đốt một giờ*, *Ba năm kiểm củi thiêu một giờ* ta thấy dường như còn ẩn chứa trong đó một sự ái ngại, cảm thông, tiếc nuối cho ai đó bị rơi vào hoàn cảnh như trên. Không chỉ thế, thành ngữ *Khôn ba năm đại một giờ* còn như một lời khuyên của ông cha rằng: Trong quan hệ duyên ái với nam giới, lỡ lầm, trót đại để lại hậu quả xấu phải gánh chịu là điều rất dễ xảy ra đối với những phút bông bột, yếu lòng của người phụ nữ, khó ai có thể nói mạnh được. Hãy cẩn thận!

Sự phong phú về ý nghĩa biểu trưng của con số “ba” có lẽ thể hiện rõ nhất trong sự kết hợp giữa số “ba” và số “bảy”. Trong cuộc sống hàng ngày, để nhận định ai đó làm một việc mà ta cho rằng khó có thể thành công hoặc người đó không đủ kiên nhẫn để giải quyết công việc, từ bỏ nó một cách nhanh chóng trong một thời gian rất ngắn thì ta chỉ cần nói: “Ồi dào, *ba bảy hai mươi mốt ngày!*” là diễn đạt được một cách đầy đủ và ngắn gọn cái ý mà ta muốn nói. Hoặc khi muốn nhận xét, chê bai một sự việc, hiện tượng hoặc một tổ chức, đảng phái nào đó đang chia rẽ nhiều bè phái mâu thuẫn lẫn nhau, ta có thể dùng thành ngữ *Ba bè bảy mảng*.

Khi lí giải ngữ nghĩa của các con số trong thành ngữ là dụng đến văn hóa phương

Đông hay tâm thức người Việt. “Ở các nước phương Tây, số 13 được coi là một con số xấu, người ta luôn kiêng và cố lẩn tránh con số này. Ở các nhà cao tầng người ta không lấy số tầng 13, ở các bệnh viện không có phòng bệnh số 13 và giường bệnh số 13, trên máy bay, xe lửa không có hàng ghế số 13. Người ta làm những việc quan trọng cũng cố tránh vào ngày 13. Nhưng ở các nước phương Đông như ở Việt Nam và Trung Quốc lại không có quan niệm này (ngoại trừ người theo Đạo Thiên Chúa). Một số nơi ở miền Bắc Trung Quốc (Thí dụ tỉnh Hà Nam) người ta lại cho các số đếm 3, 6, 9 là số đẹp thường chọn những ngày 3, 6, 9 hay 12, 16, 19, 26, 29 âm lịch làm ngày cưới. Ở Nhật Bản người ta cho số 4 là số xấu ” (9, 20). Nhưng tại sao trong tâm thức người Việt lại có chuyện *Ba hồn bảy vía*, *Ba hồn chín vía* ? Vì rằng, theo tâm linh, con người có hai phần: Tinh thần và thể xác. Người xưa quan niệm rằng người chết là khi hồn lìa khỏi xác cũng là lúc con người từ bỏ thế giới dương gian về “nơi chín suối”, về với “tiên tổ”. Những tinh anh của người đàn ông hợp thành *Ba hồn bảy vía* còn sự khôn ngoan của người đàn bà hợp thành *Ba hồn chín vía*. Thế nên mới có chuyện, “Người chết nếu muốn sống lại, người con trai lớn lấy áo lót của người chết treo lên nóc nhà, căng ra hú hồn hú vía của người ấy ba tiếng rồi cuộn áo lại để cạnh xác chết hi vọng hồn người chết sẽ quay trở về. Trẻ con mà bị ngã gây hoảng hốt hay ngất đi cũng phải làm việc hú vía cho nó, rồi nắm bảy nắm cơm (nếu là trai) hay chín nắm (nếu là gái) để cho nó ăn, thì nó sẽ trở lại trạng thái bình thường ”(1, 18). Nhưng còn “Ba hồn” là gì? Tại sao lại là ba hồn mà không chỉ gọi là hồn? Con số ba ở đây có ý nghĩa gì? Xét về vấn đề này chúng

tôi tham khảo cách giải thích của ông Lê Văn Siêu:

Theo nhận xét của chúng tôi dựa nơi người khổ luyện theo đạo tu tiên truyền tụng là luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần thành hư, thì chúng tôi thấy người xưa đã có thể quan niệm phần vô hình của linh hồn có phát hiện ra ba nguyên tố vô hình là tinh, khí, thần và linh hồn có lẽ là tổng hợp của ba nguyên tố ấy.

Tinh là tinh anh nó giúp cho sự biết, sự cảm thấy, nó là thần thức của sự sống.

Khí là linh khí nó giúp tiềm năng có khí lực làm linh hoạt các bộ phận trong cơ thể.

Thần là thần thái nó nhuộm màu, nhuộm sắc cho sự sống.

Tất cả ba nguyên tố vô hình ấy đồng qui thành phần hình căn bản trong người là linh hồn, nó làm cho toàn thân và mỗi bộ phận trong thân có sự sống. Riêng mỗi nguyên tố ấy kể là một hồn. Cả ba hồn không trụ riêng một nơi nào trong cơ thể mà thấm vào cơ thể và cùng tác động vào việc làm huy động những tiềm năng nó khiến linh hoạt những quan năng cơ sở trong người. (Dẫn theo 1, 20-21)

Quan niệm cổ xưa về linh hồn này ảnh hưởng rất sâu rộng đến phong tục và văn hóa của người Việt Nam. Nhưng đặc biệt hơn là người Việt đã lấy những con số (và quan hệ con số) trong thành ngữ để chuyển tải những ý nghĩa biểu trưng khác nhau một cách hợp lí, hợp logic. Và có lẽ từ quan niệm về linh hồn của người Việt xưa nên trong thành ngữ người Việt người ta nói *Ba chìm bảy nổi* để biểu trưng cho cuộc đời con người có số phận long đong, lận đận, vất vả, gian truân, phải sống phiêu bạt, phải chịu nhiều khổ sở.

Từ những ý nghĩa trên chúng ta mới hiểu cái lí do tồn tại hiển nhiên của những con số

đã trở thành những cặp đối ứng: 3/4, 3/5, 3/7...và rồi chỉ một mình “ba” mà chẳng cần phải thêm con số nào hết, số “ba” với ý nghĩa của “Thiên – Địa – Nhân” mà nó được dùng để biểu trưng cho sự *đủ* của vấn đề cần diễn đạt.

Ví dụ: *Ba mặt một lời* nghĩa là nói trực tiếp, công khai, thẳng thắn trước sự chứng kiến của nhiều bên, nhiều người. Khi cần xác minh tính chất đúng đắn của vấn đề gì đó thì cần có ba người là *đủ*.

Hương lửa ba sinh: Ý nghĩa ban đầu của thành ngữ này thể hiện lời nguyện, lời thề có ứng nghiệm đến ba kiếp, ba đời người. Từ ý nghĩa đó, ông cha ta đã dùng thành ngữ này để biểu trưng cho thời gian chờ đợi rất dài, *đủ* để chứng minh cho tình yêu và tình nghĩa, cho sự thủy chung, son sắt’.

Trong thực tế, có những công việc hoặc những người chỉ cần *Uốn ba tác lưỡi*, nghĩa là chỉ cần dùng miệng lưỡi, tài ăn nói cũng *đủ* để thuyết phục người khác, *đủ* để xoay chuyển tình thế.

Vững như kiềng ba chân : Biểu trưng cho sự vững chãi . “Ba” ở đây biểu trưng cho sự thống nhất tạo thành sức mạnh, sự vững chắc, chắc chắn, biểu trưng của lập trường vững vàng, kiên định.

3. Kết luận

Mỗi ngôn ngữ đều có những con số được ưa thích và dùng nhiều trong thành ngữ. Theo tác giả Lê Thị Hoa (7; 100-105) trong tiếng Nga đó là số 7, tiếng Pháp là số 4, tiếng Anh là số 1 và số 2 còn trong tiếng Việt, theo thống kê của chúng tôi đó là con số 3. Sở dĩ trong thành ngữ, tục ngữ, ca dao người Việt dùng rất nhiều cách nói số (hay mượn số diễn đạt) là bởi vì khi dựa trên những ấn tượng con số thì người nghe,

người đọc cảm nhận được rất nhanh và cụ thể. Hơn thế nữa, cách nói số vừa có tính khẳng định, vừa tượng trưng lại vừa đơn giản, ngắn gọn, súc tích và đầy hàm nghĩa góp phần làm tăng sức biểu đạt nội dung vấn đề mà nó cần truyền tải. Đó cũng là một nét độc đáo của văn hóa dân gian Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Gia Anh, (2007), *Con số dân gian*, Nxb Văn hóa Sài Gòn.
2. Nguyễn Nhã Bản, (2005), *Đặc trưng ngữ pháp- ngữ nghĩa của thành ngữ, tục ngữ trong ca dao*, Nxb Văn hóa thông tin.
3. Nguyễn Đức Dân, (1986), *Ngữ nghĩa thành ngữ và tục ngữ - sự vận dụng*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 3, tr1-11.
4. Nguyễn Thị Duyên,(2007), *Ý nghĩa biểu trưng của hệ biểu tượng con số trong ca dao người Việt*, Luận văn thạc sĩ khoa học ngữ văn, Trường ĐHSP Hà Nội.
5. Hoàng Văn Hành, (1996), *Từ điển giải thích thành ngữ tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học, Nxb KHXH, H.
6. Hoàng Văn Hành, (2004), *Thành ngữ học tiếng Việt*, Nxb KHXH. H
7. Lê Thị Hoa,(2002), *Một số ví dụ về cách dùng hình ảnh con số trong thành ngữ các tiếng Việt, Pháp, Nga và Anh*, Thông báo khoa học, số 6, tr100-105.
8. Ánh Hồng, (2004), *Tín ngưỡng, phong tục và những kiêng kỵ dân gian Việt Nam*, Nxb Thanh Hóa.
9. Tôn Diễm Phong, (1999), *Vài nét về nghiên cứu ngôn ngữ qua văn hóa*, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, số 4, tr17-21.
10. Bùi Khắc Việt, (1978), *Về tính biểu trưng của thành ngữ trong tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 1.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 22-09-2009)